



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị sản xuất

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01	56	4,5	1	AN	NP Lẻ
2	000002	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	57	4,0	1	Phu N	chẵn
3	000003	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	01	58	3,0	1	CT	Lẻ
4	000004	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	59	2,5	1	An	Chẵn
5	000005	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	60	4,0	1	Anh	Lẻ
6	000006	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	61	4,5	1	Anh	Chẵn
7	000007	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	62	3,0	1	Anh	Lẻ
8	000008	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	63	4,5	1	Anh	chẵn
9	000009	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	64	4,0	1	Bách	Lẻ
10	000010	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	65	3,5	1	Bình	chẵn
11	000011	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	01	66	6,8	1	Đồng	Lẻ
12	000012	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	01					HP,ĐK
13	000013	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	67	6,5	1	Dũng	Lẻ
14	000014	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	01					HP,ĐK
15	000015	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	68	3,5	1	Duy	Lẻ
16	000016	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	69	5,5	1	Duyên	chẵn
17	000017	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	70	6,5	1	Giang	Lẻ
18	000018	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	71	5,0	1	Hải	chẵn
19	000019	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	01	72	5,0	1	Hằng	Lẻ
20	000020	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	73	2,5	1	Hào	chẵn
21	000021	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	74	5,0	1	hiệp	Lẻ
22	000022	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	75	5,0	1	Huệ	chẵn
23	000023	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	76	4,0	1	Huệ	Lẻ
24	000024	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	77	7,0	1	Hùng	chẵn
25	000025	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	78	5,5	1	Hương	Lẻ
26	000026	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	79	5,0	1	Hương	chẵn
27	000027	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	80	6,5	1	Lương	Lẻ
28	000028	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	81	2,0	1	Huyền	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 0

Ngày 10 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hồng Phức Trần Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị sản xuất

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	29	9,0	1	Đ	le
2	000030	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	30	3,8	1	Khánh	Chấn
3	000031	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	31	3,5	1	Kiên	le
4	000032	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	01	32	5,3	1	Liều	Chấn
5	000033	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	33	4,0	1	Linh	le
6	000034	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	34	2,5	1	Lĩnh	Chấn
7	000035	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	35	2,5	1	Lộc	le
8	000036	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	36	2,5	1	Ly	Chấn
9	000037	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	37	5,0	1	Thế	le
10	000038	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	38	9,0	1	Minh	Chấn
11	000039	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	39	6,0	1	Minh	le
12	000040	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	40	5,0	1	Nga	Chấn
13	000041	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	41	6,5	1	Bích	le
14	000042	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	42	6,5	2	Ngoan	Chấn
15	000043	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	43	9,0	1	Nhung	le
16	000044	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	44	0,8	1	Phi	Chấn
17	000045	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	01	45	5,5	1	Phương	le
18	000046	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	46	8,0	2	Quang	Chấn
19	000047	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	47	5,5	1	Quỳnh	le
20	000048	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	48	4,3	1	Thái	Chấn
21	000049	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	49	9,5	1	Thảo	le
22	000050	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	50	3,0	1	Thu	Chấn
23	000051	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	51	5,5	1	Trung	le
24	000052	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	52	5,8	1	Uyên	Chấn
25	000053	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	53	8,5	1	Vân	le
26	000054	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01					HPI Vang
27	000055	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	54	5,5	1	N Anh	le
28	000056	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	55	4,5	1	Anh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 10... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Loan Lưu Thị Yên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị sản xuất

chẵn / lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000057	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	82	2,0	1	Anh	Lẻ
2	000058	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	83	5,5	1	Anh	chẵn
3	000059	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	84	4,5	1	Anh	lẻ
4	000060	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	85	8,5	2	Biên	chẵn
5	000061	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02	86	2,0	1	Cường	lẻ
6	000062	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	87	4,5	1	Đạt	chẵn
7	000063	1101031373	Dương Thị Huyền Diệu		05/07/2005	QT11B	02					HP, ĐK
8	000064	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	88	8,5	1	Duy	chẵn
9	000065	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	89	4,5	1	Duy	Lẻ
10	000066	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	90	7,5	2	Giang	chẵn
11	000067	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	91	5,0	1	Hà	Lẻ
12	000068	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	92	3,0	1	Hải	chẵn
13	000069	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	93	8,5	1	Hằng	Lẻ
14	000070	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	02					Vắng
15	000071	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	94	2,5	01	Hiếu	Lẻ
16	000072	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	95	3,0	1	Phạm	chẵn
17	000073	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	96	3,0	1	Hùng	Lẻ
18	000074	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	97	2,0	1	Hùng	chẵn
19	000075	1101030563	Hoàng Tuấn	Hung	28/08/2005	QT11B	02	98	6,0	1	Hung	Lẻ
20	000076	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	99	9,5	1	mai	chẵn
21	000077	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	100	6,5	1	Phạm	Lẻ
22	000078	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	101	3,5	1	Huyền	chẵn
23	000079	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	102	3,5	01	Khuyên	Lẻ
24	000080	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	103	5,0	01	Lan	chẵn
25	000081	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	104	8,0	01	gk	Lẻ
26	000082	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	105	9,0	01	Linh	chẵn
27	000083	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	106	2,5	01	Linh	Lẻ
28	000084	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	107	2,5	01	Linh	chẵn (2,5)
29	000085	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	108	5,0	01	Linh	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 10 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Hiệp

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị sản xuất

Đã chấm/le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000086	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	1	2,5	1	Lợi	chấm
2	000087	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	2	2,5	1	Ly	le
3	000088	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	3	5,0	1	Ly	chấm
4	000089	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	4	5,5	2	Đỗ Ngọc	le
5	000090	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	5	3,0	1	Minh	chấm
6	000091	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	6	2,0	1	Minh	le
7	000092	1101030629	Lương Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	02	7	4,0	1	Mừng	chấm
8	000093	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	02					HP,ĐK
9	000094	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	8	7,0	1	Ngân	chấm
10	000095	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyễn	16/07/2005	QT11B	02	9	3,0	1	Nguyễn	le
11	000096	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	10	7,5	1	Nguyệt	chấm
12	000097	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	11	3,5	1	Như	le
13	000098	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	12	8,5	1	Phong	chấm
14	000099	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	13	7,5	1	Quân	le
15	000100	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	14	4,0	1	Quân	chấm
16	000101	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02	15	3,5	1	Quỳnh	le
17	000102	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	16	8,5	1	Thảo	chấm
18	000103	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	17	6,5	1	Thương	le
19	000104	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	18	3,0	1	Tiên	chấm
20	000105	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	19	2,0	1	Trang	le
21	000106	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	20	9,0	1	Trang	chấm
22	000107	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	21	5,3	1	Trinh	le
23	000108	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	22	5,0	1	Uyên	chấm
24	000109	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	23	5,5	1	Thắm	le
25	000110	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	24	3,0	1	Vân	chấm
26	000111	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	25	3,5	1	Vũ	le
27	000112	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	26	5,3	1	Vy	chấm
28	000113	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	27	5,0	1	Yến	le
29	000114	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	28	5,0	1	Yến	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 28.29

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày: 10 tháng 01 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Mai

Ngô Thị An